

Số: 514/TCBC-BTP

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2018

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
ban hành trong tháng 01 năm 2018**

Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 01 năm 2018 như sau:

I. SỐ LƯỢNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 01 năm 2018, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 19 văn bản quy phạm pháp luật, gồm 13 Nghị định của Chính phủ và 06 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

Các Nghị định của Chính phủ:

1. Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc;
2. Nghị định số 02/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam;
3. Nghị định số 03/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam;
4. Nghị định số 04/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng;
5. Nghị định số 05/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội;
6. Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non;
7. Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
8. Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

9. Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

10. Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

11. Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

12. Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin;

13. Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới.

Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

1. Quyết định số 01/2018/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu;

2. Quyết định số 02/2018/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

3. Quyết định số 03/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Khí tượng Thủy văn trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

4. Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư;

5. Quyết định số 05/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia;

6. Quyết định số 06/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc

a) **Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Nghị định này thay thế Nghị định số 12/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

b) **Sự cần thiết, mục đích ban hành:** Nghị định được ban hành nhằm đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, như: Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp, Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty TNHH một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ...; khắc phục các hạn chế, bất cập trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 12/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

c) **Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 03 điều, ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

Điều lệ gồm 10 chương, 76 điều, quy định tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc, cụ thể: (1) Các quy định chung về tên, địa chỉ, trụ sở; hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân; mục tiêu, chức năng, ngành, nghề kinh doanh; vốn điều lệ, điều chỉnh vốn điều lệ; chủ sở hữu; người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty; (2) Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ và phân công, phân cấp, thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng công ty; (3) Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty; (4) Tổ chức quản lý và điều hành của Tổng công ty; (5) Tài chính của Tổng công ty; (6) Đầu tư vốn tại doanh nghiệp khác, người đại diện và liên kết Tổng công ty; (7) Tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản Tổng công ty; (8) Chế độ báo cáo, công khai thông tin; (9) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, giải quyết tranh chấp nội bộ và những vấn đề khác; (10) Điều khoản thi hành.

2. Nghị định số 02/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 01 năm 2018.

Bãi bỏ Nghị định số 18/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 2 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam và Nghị định số 72/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Nghị định số 18/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, như: Luật tổ chức Chính phủ, Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ...; khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 18/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 2 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam và Nghị định số 72/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Nghị định số 18/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam; góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của Đài Truyền hình Việt Nam.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 điều, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam.

Theo Nghị định, Đài Truyền hình Việt Nam là cơ quan thuộc Chính phủ, là đài truyền hình quốc gia thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần giáo dục, nâng cao dân trí, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân bằng các chương trình truyền hình và các loại hình báo chí, truyền thông đa phương tiện khác.

Đài Truyền hình Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông về báo chí và truyền hình.

Cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam gồm có 31 đơn vị trực thuộc, trong đó có 06 đơn vị giúp việc Tổng Giám đốc, 21 đơn vị sản xuất, phát sóng chương trình và 04 tổ chức sự nghiệp khác.

3. Nghị định số 03/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 01 năm 2018.

Nghị định này thay thế Nghị định số 55/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, như: Luật tổ chức Chính phủ, Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ...; khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 55/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam; góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của Đài Tiếng nói Việt Nam.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 điều, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam.

Theo Nghị định, Đài Tiếng nói Việt Nam là cơ quan thuộc Chính phủ, là đài phát thanh quốc gia thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần giáo dục, nâng cao dân trí, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân bằng các chương trình phát thanh và các loại hình báo chí, truyền thông đa phương tiện khác.

Đài Tiếng nói Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông về báo chí, phát thanh, truyền hình.

Cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam gồm có 27 đơn vị trực thuộc, trong đó có 06 đơn vị giúp việc Tổng Giám đốc, 17 đơn vị sản xuất chương trình và 04 đơn vị kỹ thuật, kinh doanh và dịch vụ.

4. Nghị định số 04/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 02 năm 2018.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các chính sách hiện nay, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tục phát triển Khu công nghệ cao Đà Nẵng theo đúng định hướng, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 05 chương, 12 điều, quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng, cụ thể: (1) Nguồn vốn huy động để đầu tư phát triển Khu công nghệ cao; (2) Dự án, công trình trong Khu công nghệ cao được áp dụng huy động vốn đầu tư; (3) Ưu đãi về tiền thuê đất, tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; hoàn trả tiền bồi thường,

giải phóng mặt bằng; ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, tín dụng đầu tư, tiền sử dụng hạ tầng và xuất nhập cảnh; (4) Điều khoản thi hành.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động tại Khu công nghệ cao; (2) Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng; (3) Các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan chuyên môn có liên quan.

5. Nghị định số 05/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 01 năm 2018.

Nghị định này thay thế Nghị định số 101/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm đảm bảo phù hợp với các luật mới được ban hành, như: Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp...; khắc phục các hạn chế, bất cập trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 101/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 03 điều, ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.

Điều lệ gồm 12 chương, 86 điều, quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (VIETTEL), cụ thể: (1) Các quy định chung về tên gọi, trụ sở chính; hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, nhiệm vụ; mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh; vốn điều lệ; người đại diện theo pháp luật của VIETTEL; đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với VIETTEL; tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong VIETTEL; (2) Quyền và nghĩa vụ của VIETTEL; (3) Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với VIETTEL và phân công thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu nhà nước; (4) Tổ chức quản lý VIETTEL; (5) Môi quan hệ của VIETTEL với các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết; (6) Cơ chế hoạt động tài chính của VIETTEL; (7) Hoạt động đầu tư ra nước ngoài của tập đoàn VIETTEL; (8) Quản lý lao động, tiền lương đối với người lao động của VIETTEL; (9) Tổ chức lại, đa dạng hóa sở hữu, giải thể, phá sản VIETTEL; (10) Sổ sách và hồ sơ của VIETTEL; (11) Giải quyết tranh chấp nội bộ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của VIETTEL; (12) Điều khoản thi hành.

Ban hành kèm theo Điều lệ này Phụ lục về các đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.

6. Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non

a) **Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 02 năm 2018.

b) **Sự cần thiết, mục đích ban hành:** Nghị định được ban hành nhằm tạo điều kiện hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và tạo chính sách hỗ trợ đối với giáo viên mầm non, đặc biệt là trẻ em đang học tại lớp mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo và trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo.

c) **Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 05 chương, 13 điều, quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non, cụ thể: (1) Điều kiện được hưởng hỗ trợ ăn trưa; nội dung, thời gian, thủ tục hỗ trợ và phương thức chi hỗ trợ ăn trưa; (2) Chính sách đối với giáo viên mầm non; (3) Nguồn tài chính, dự toán, quyết toán kinh phí; (4) Tổ chức thực hiện.

Ban hành kèm theo Nghị định này Phụ lục về các mẫu: (1) Danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo (dùng cho cơ sở giáo dục mầm non); (2) Tổng hợp kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo (dùng cho Phòng Giáo dục và Đào tạo); (3) Tổng hợp kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo (dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); (4) Danh sách giáo viên mầm non đề nghị chuyển xếp lương (dùng cho cơ sở giáo dục mầm non); (5) Báo cáo nhu cầu thực hiện chuyển xếp lương (dùng cho Phòng Giáo dục và Đào tạo); (6) Báo cáo nhu cầu thực hiện chuyển xếp lương (dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); (7) Danh sách giáo viên mầm non đề nghị hưởng chế độ phụ cấp dạy lớp ghép, tăng cường Tiếng Việt (dùng cho cơ sở giáo dục mầm non); (8) Báo cáo nhu cầu thực hiện chế độ phụ cấp dạy lớp ghép, tăng cường Tiếng Việt (dùng cho Phòng Giáo dục và Đào tạo); (9) Báo cáo nhu cầu thực hiện chế độ phụ cấp dạy lớp ghép, tăng cường Tiếng Việt (dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Trẻ em độ tuổi mẫu giáo (không bao gồm trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người) đang học tại lớp mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non quy định tại Điều 3 của Nghị định này; (2) Giáo viên mầm non quy định tại Điều 7 của Nghị định này; (3) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

7. Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2018.

Nghị định này thay thế Nghị định số 149/2013/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, như: Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp, Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty TNHH một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ...; khắc phục các hạn chế, bất cập trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 149/2013/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 03 điều, ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều lệ gồm 10 chương, 89 điều, quy định về tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể: (1) Các quy định chung về tên và trụ sở chính; hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, nhiệm vụ; mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh; vốn điều lệ; chủ sở hữu; đại diện theo pháp luật của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN); tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội trong PVN; (2) Quyền và nghĩa vụ của PVN; (3) Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với PVN và phân công thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước; (4) Tổ chức quản lý PVN; (5) Quan hệ giữa PVN với doanh nghiệp tham gia Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam; (6) Cơ chế hoạt động tài chính của PVN; (7) Tổ chức lại, đa dạng hóa sở hữu, giải thể và phá sản PVN; (8) Sổ sách và hồ sơ của PVN; (9) Giải quyết tranh chấp nội bộ và sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVN; (10) Điều khoản thi hành.

Ban hành kèm theo Nghị định này Phụ lục về Danh sách các đơn vị trực thuộc công ty mẹ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

8. Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Nghị định này thay thế Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm quy định chi tiết Luật thương mại và Luật quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; khắc phục các hạn chế, bất cập trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 chương, 52 điều, quy định chi tiết Luật thương mại và Luật quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, cụ thể: (1) Thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa; (2) Cấp Giấy phép kinh doanh; các trường hợp không phải cấp Giấy phép kinh doanh; cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh; (3) Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; cơ quan cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; (4) Chế độ báo cáo, gửi, lưu trữ giấy phép và công bố thông tin; (5) Quản lý nhà nước và xử lý vi phạm; (6) Tổ chức thực hiện.

Ban hành kèm theo Nghị định này Phụ lục về các mẫu: (1) Đơn đề nghị cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép kinh doanh; (2) Đơn đề nghị cấp, điều chỉnh, cấp lại, gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; (3) Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động; (4) Văn bản Sở Công thương lấy ý kiến Bộ Công thương, bộ quản lý ngành; (5) Văn bản ý kiến của Bộ Công thương, bộ quản lý ngành gửi Sở Công thương; (6) Giấy phép kinh doanh; Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; (7) Báo cáo thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa; Báo cáo về Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; (8) Quyết định thu hồi Giấy phép; Quyết định chấm dứt hoạt động.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; (2) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

9. Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Các Nghị định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành: (1) Nghị định số 150/2003/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam; (2) Nghị định số 89/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam; (3) Nghị định số 90/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam; (4) Nghị định số 04/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại; khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 150/2003/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam, Nghị định số 89/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam và Nghị định số 90/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 07 chương, 96 điều, quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương về căn cứ tiến hành, trình tự, thủ tục, thời hạn, nội dung, căn cứ chấm dứt điều tra vụ việc phòng vệ thương mại; cách xác định thiệt hại của ngành sản xuất trong nước; chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại; áp dụng, rà soát biện pháp phòng vệ thương mại; trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan trong quá trình điều tra; miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại; xử lý biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, cụ thể: (1) Xác định ngành sản xuất trong nước; xác định mối quan hệ giữa nhà sản xuất hàng hóa tương tự và tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại; (2) Hoàn trả thuế phòng vệ thương mại; miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại; quản lý nhập khẩu hàng hóa bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại; (3) Quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong vụ việc phòng vệ thương mại; (4) Quy định về việc bên liên quan không hợp tác trong vụ việc phòng vệ thương mại; (5) Bảo mật thông tin; điều tra tại chỗ; tham vấn; (6) Cung cấp thông tin của cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội ngành, nghề Việt Nam; (7) Áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với các nước, vùng lãnh thổ kém phát triển, đang phát triển; (8) Điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ; (9) Rà soát việc áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại; chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ

thương mại; xử lý biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam; (10) Quy định chuyển tiếp và điều khoản thi hành.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền điều tra, áp dụng và xử lý biện pháp phòng vệ thương mại; (2) Thương nhân Việt Nam, thương nhân nước ngoài, các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khác có liên quan đến điều tra, áp dụng và xử lý biện pháp phòng vệ thương mại.

10. Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

a) **Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 01 năm 2018.

b) **Sự cần thiết, mục đích ban hành:** Nghị định được ban hành nhằm đảm bảo phù hợp với các luật mới được ban hành, như: Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư công...; tạo cơ sở pháp lý và cơ chế phù hợp cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam hoạt động hiệu quả.

c) **Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 03 điều, ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Điều lệ gồm 10 chương, 76 điều quy định về tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, cụ thể: (1) Quy định chung về tên, địa chỉ, trụ sở chính; hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân; mục tiêu, chức năng hoạt động và ngành, nghề kinh doanh; vốn điều lệ; đại diện theo pháp luật; chủ sở hữu của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; quản lý nhà nước; tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; (2) Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; (3) Phân công, phân cấp thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; (4) Tổ chức quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; (5) Quan hệ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam với các đơn vị trực thuộc, công ty con, đơn vị sự nghiệp, công ty liên kết, công ty tự nguyện tham gia liên kết; (6) Cơ chế hoạt động tài chính, công tác kiểm tra, kiểm toán; (7) Tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; (8) Sổ sách và hồ sơ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; (9) Giải quyết tranh chấp nội bộ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; (10) Điều khoản thi hành.

Ban hành kèm theo Nghị định này Phụ lục về Danh sách các đơn vị phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

11. Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới

a) **Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 03 năm 2018.

b) **Sự cần thiết, mục đích ban hành:** Nghị định được ban hành nhằm quy định chi tiết khoản 3 Điều 7 và khoản 6 Điều 88 Luật hải quan năm 2014; khắc phục các hạn chế, bất cập trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

c) **Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 03 điều, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, cụ thể:

- Thay thế Phụ lục phạm vi địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, đường thủy nội địa trong khu vực biên giới ban hành kèm theo Nghị định số 01/2015/NĐ-CP bằng Phụ lục phạm vi địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, đường thủy nội địa trong khu vực biên giới ban hành kèm theo Nghị định này.

- Sửa đổi, bổ sung liên quan đến các quy định về: (1) Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại bưu điện quốc tế, khu vực chuyên phát nhanh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; (2) Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại các khu vực ngoài cửa khẩu; (3) Nội dung phối hợp phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; (4) Phối hợp trong ngăn chặn, điều tra, lập hồ sơ và xử lý vi phạm và phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật.

12. Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin

a) **Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

b) **Sự cần thiết, mục đích ban hành:** Nghị định được ban hành để thực hiện nhiệm vụ được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật, như: Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người khuyết tật, người sinh sống ở biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tiếp cận thông tin của công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp; phiếu yêu cầu cung cấp thông tin..., tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai đồng bộ các quy định của Luật trong phạm vi cả nước.

c) **Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 15 điều, quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin, cụ thể: (1) Các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin; (2) Các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật thực hiện quyền tiếp cận thông tin; (3) Cung cấp thông tin theo yêu cầu cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp; (4) Các mẫu phiếu sử dụng trong cung cấp

thông tin theo yêu cầu; (5) Lập Danh mục, phân loại, cập nhật thông tin; rà soát, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp và trách nhiệm của đơn vị đầu mối cung cấp thông tin; (6) Trang bị phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất cho việc cung cấp thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin; xây dựng Chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc Công thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử; (7) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm thi hành, theo dõi, đôn đốc, báo cáo tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân; (8) Kinh phí bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin và chi phí tiếp cận thông tin.

Ban hành kèm theo Nghị định này Phụ lục về các mẫu: (1) Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin của công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp; (2) Phiếu tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin; (3) Phiếu giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin; (4) Thông báo gia hạn yêu cầu cung cấp thông tin; (5) Thông báo từ chối yêu cầu cung cấp thông tin; (6) Văn bản chấp thuận.

Nghị định này áp dụng đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan đến việc cung cấp thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin.

13. Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 01 năm 2018.

Bãi bỏ Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới.

Các văn bản công bố cửa khẩu phụ, lối mở được phép thực hiện hoạt động thương mại biên giới của Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới đã ban hành theo Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới và các Thông tư ban hành theo Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg trước khi Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo thời hạn hiệu lực được nêu trong văn bản đó.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm thực hiện nhiệm vụ được Luật quản lý ngoại thương giao Chính phủ quy định chi tiết Điều 53 về quản lý ngoại thương với các nước có chung biên giới và Điều 54 về cơ chế điều hành hoạt động thương mại biên giới tại cửa khẩu biên giới trên đất liền.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 chương, 26 điều, quy định chi tiết các hoạt động thương mại biên giới quy định tại Điều 53 và Điều 54 Luật quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của thương nhân, cư dân biên giới; các hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa và các hoạt động liên quan đến mua bán, trao đổi hàng hóa quy định trong điều ước quốc tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nước có chung biên giới, cụ thể: (1) Thanh toán trong hoạt động thương mại biên giới; (2) Thương nhân mua

bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới; cửa khẩu biên giới thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân; hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của thương nhân; kiểm dịch, kiểm tra an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của thương nhân; hình thức thỏa thuận trong hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân; chính sách thuế, phí và lệ phí; (3) Cửa khẩu biên giới thực hiện mua bán, trao đổi hàng hóa; hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới; thuế đối với hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới; quản lý mua gom hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới; kiểm dịch, kiểm tra chất lượng hàng hóa, an toàn thực phẩm trong hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới; (4) Chủ thể hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới; hoạt động kinh doanh tại chợ biên giới; hàng hóa được mua bán, trao đổi tại chợ biên giới; kiểm dịch đối với hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới; quy định về thuế, phí, lệ phí đối với hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới; (5) Xuất nhập cảnh người và phương tiện của Việt Nam và của nước có chung biên giới; (6) Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

Ban hành kèm theo Nghị định này Phụ lục về mẫu bảng kê mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Thương nhân, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại biên giới; (2) Các cơ quan, tổ chức quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới; (3) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thương mại biên giới.

14. Quyết định số 01/2018/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành nhằm đảm bảo phù hợp với một số Luật, Nghị định được Quốc hội, Chính phủ ban hành trong thời gian vừa qua trong lĩnh vực thuế, phí, lệ phí, đầu tư, ngân sách nhà nước, tín dụng, đất đai,... trong đó có quy định đối với khu kinh tế cửa khẩu; góp phần đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 02 điều, bãi bỏ Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu (các dự án đầu tư đang được hưởng chính sách ưu đãi ghi trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp hoặc đang được hưởng mức ưu đãi theo quy định tại Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu tiếp tục thực hiện các ưu đãi đó cho thời gian còn lại của dự án. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật mới quy định mức ưu đãi cao hơn thì được lựa chọn hưởng

chính sách ưu đãi cao hơn cho thời gian còn lại của dự án).

15. Quyết định số 02/2018/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) **Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 03 năm 2018.

Quyết định này thay thế Quyết định số 21/2014/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) **Sự cần thiết, mục đích ban hành:** Quyết định được ban hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng cục Quản lý đất đai cho phù hợp với Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường...; sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Tổng cục Quản lý đất đai một cách hợp lý, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả.

c) **Nội dung chủ yếu:** Quyết định gồm 06 điều, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Theo Quyết định, Tổng cục Quản lý đất đai là tổ chức trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về đất đai trong phạm vi cả nước; quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai gồm có 13 tổ chức trực thuộc, trong đó có 09 tổ chức hành chính giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước và 04 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tổng cục.

16. Quyết định số 03/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Khí tượng Thủy văn trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) **Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 3 năm 2018.

Quyết định này thay thế Quyết định số 77/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) **Sự cần thiết, mục đích ban hành:** Quyết định được ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của Tổng cục Khí tượng Thủy văn và triển khai

thực hiện các quy định có liên quan tại Luật khí tượng thủy văn, Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 06 điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Khí tượng Thủy văn trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Theo Quyết định, Tổng cục Khí tượng Thủy văn là tổ chức trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về khí tượng thủy văn trong phạm vi cả nước; quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức của Tổng cục Khí tượng Thủy văn gồm có 22 tổ chức trực thuộc, trong đó có 06 tổ chức hành chính giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước và 16 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tổng cục.

17. Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2018.

Các văn bản quy phạm pháp luật sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực: (1) Thông tư liên tịch số 186/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương pháp xác định, phương thức, thủ tục thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước; (2) Thông tư liên tịch số 64/2012/TTLT-BTC-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 186/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành để thực hiện khoản 4 Điều 3 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản về việc giao Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đã đầu tư.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều, ban hành kèm theo Quy

định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư.

Quy định gồm 11 điều, quy định chi tiết khoản 4 Điều 3 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản, cụ thể: (1) Thống kê khối lượng trong xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; (2) Phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản phải hoàn trả; (3) Phương pháp xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; (4) Phương thức hoàn trả; (5) Chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư; (6) Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; (7) Quy định chuyển tiếp.

Quy định này áp dụng đối với: (1) Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp thực hiện việc xác định, thu, quản lý và sử dụng tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản; (2) Tổ chức, cá nhân sử dụng số liệu, thông tin về kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản của nhà nước để thăm dò, khai thác khoáng sản.

18. Quyết định số 05/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia

a) **Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2018 và bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

b) **Sự cần thiết, mục đích ban hành:** Quyết định được ban hành nhằm tạo cơ chế cho Học viện Hành chính Quốc gia hoạt động hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm phù hợp với chủ trương đổi mới tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

c) **Nội dung chủ yếu:** Quyết định gồm 05 điều, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia.

Theo Quyết định, Học viện Hành chính Quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập hạng đặc biệt, trực thuộc Bộ Nội vụ; là trung tâm quốc gia thực hiện các chức năng đào tạo, bồi dưỡng năng lực, kiến thức, kỹ năng về hành chính, về lãnh đạo, quản lý cho cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học hành chính và tư vấn cho Bộ Nội vụ trong lĩnh vực hành chính và quản lý nhà nước.

Cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia gồm có 17 đơn vị trực thuộc Học viện.

19. Quyết định số 06/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) **Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 3 năm 2018.

Quyết định này thay thế Quyết định số 43/2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) **Sự cần thiết, mục đích ban hành:** Quyết định được ban hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam cho phù hợp với Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường...; sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam một cách hợp lý, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả.

c) **Nội dung chủ yếu:** Quyết định gồm 05 điều, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Theo Quyết định, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam là tổ chức trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam gồm có 14 tổ chức trực thuộc, trong đó có 08 tổ chức giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước và 06 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tổng cục.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 01 năm 2018, Bộ Tư pháp xin thông báo. *J. D.*

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Trần Tiền Dũng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Báo Điện tử Chính phủ;
- Cục CNTT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Báo Pháp luật Việt Nam (để đăng tải);
- Vụ PBGDPL;
- Lưu: VT, VP.

TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG



Đỗ Đức Hiền